

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2012/NQ-HĐND

Đoan Hùng, ngày 26 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Đoan Hùng đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 940/TTr-UBND ngày 13/12/2012 của UBND huyện về Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Đoan Hùng đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành, thông qua Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Đoan Hùng đến năm 2020 của UBND huyện, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm quy hoạch:

- Quy hoạch phát triển GTVT huyện Đoan Hùng đến 2020 phải thống nhất gắn kết với các quy hoạch: *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Đoan Hùng đến năm 2020; Quy hoạch sử dụng đất huyện Đoan Hùng đến năm 2020; Quy hoạch xây dựng nông thôn mới huyện Đoan Hùng đến năm 2020 và phải phù hợp với Quy hoạch GTVT của tỉnh Phú Thọ đến 2020.*

- Phát triển GTVT một cách thống nhất, đồng bộ, đảm bảo tính liên hoàn giữa các phương thức, loại hình GTVT.

- Ưu tiên tập trung phát triển mạng lưới đường bộ của huyện liên thông, gắn kết chặt chẽ với hệ thống đường tỉnh, đường quốc lộ có trên địa bàn.

Giữ nguyên kết cấu và phân bố mạng lưới đường bộ hiện có, tập trung nâng cấp cải tạo nâng cao chất lượng phục vụ.

Đường huyện, đường xã, được nâng cấp cải tạo, đạt tiêu chuẩn hạ tầng GTVT của “Huyện nông thôn mới”.

- Coi trọng công tác bảo dưỡng bảo trì, khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng giao thông hiện có và sẽ xây dựng.

- Quản lý tốt quỹ đất dành cho xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, nhất là hành lang các loại đường bộ nhằm đảm bảo ATGT và hạn chế thiệt hại lãng phí khi sử dụng mặt bằng.

- Xây dựng cơ chế giải pháp phù hợp, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia, đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư, hình thức đầu tư, nhằm huy động tốt

mọi nguồn lực cho phát triển cơ sở hạ tầng GTVT, phát triển dịch vụ vận tải, công nghiệp GTVT đáp ứng nhu cầu.

Đầu tư có trọng tâm trọng điểm, không dàn trải, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Giao thông Thị trấn Đoàn Hùng thực hiện theo quy hoạch riêng phát triển phù hợp kiến trúc không gian đô thị, quỹ đất giao thông đô thị loại IV loại V là 16% - 18%.

2. Mục tiêu quy hoạch:

2.1. Mục tiêu tổng quát:

* **Đường quốc lộ, đường tỉnh, cầu vượt sông:** Phối hợp với các cơ quan chủ quản thực hiện theo quy hoạch đến năm 2020 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

*** Về giao thông vận tải huyện đến hết năm 2020:**

a. Đường bộ:

+ Đảm bảo duy trì 100% số xã đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng.

+ Đường huyện: 100% đạt tối thiểu cấp V tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054 - 2005; Mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM.

+ Đường xã đạt chuẩn theo hướng dẫn tại quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23/2/2011 “Về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020” của Bộ GTVT: Tối thiểu 70% đường xã (liên xã và trục xã) đạt cấp VI, mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM. Đường thôn xóm (trục thôn, liên thôn, nội thôn) tối thiểu 35% đạt tiêu chuẩn loại A, mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM. Đường trục chính ra đồng, lên đồi, nội đồng: Tối thiểu 35% đạt tiêu chuẩn loại B mặt đường được cứng hoá. Cầu cống xây dựng kiên cố phù hợp cấp đường từng loại đường.

- Công tác bảo trì: 100% đường huyện, tối thiểu 45% đường xã được bảo trì thường xuyên.

- Đường đô thị: Đường thị trấn Đoàn Hùng thực hiện theo quy hoạch riêng của thị trấn; phần mở rộng thị trấn trên xã Sóc Đăng, Ngọc Quan, Phong Phú được xây dựng theo quy hoạch thị trấn mở rộng.

- Hệ thống bến bãi phục vụ vận tải đường bộ: Xây dựng đạt chuẩn quy định theo thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT “Quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ”.

Xây dựng 01 bến xe khách loại đạt loại 4 tại TT Đoàn Hùng.

Bãi đỗ xe trạm dừng nghỉ xây dựng trên QL2 một bãi đỗ tại xã Sóc Đăng, trên QL70 một bãi đỗ tại xã Minh Lương tiếp giáp huyện Hạ Hoà;

b. Đường sông:

Nâng cấp cải tạo đường thủy nội địa: Nạo vét luồng lạch đạt tiêu chuẩn cấp III, kết hợp tốt với thủy lợi đảm bảo tưới tiêu.

Xây dựng cảng Sóc Đăng. Cải tạo đường lên xuống, nhà chờ các bến đò ngang, nâng cao chất lượng phục vụ.

c. Dịch vụ vận tải: Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá, hành khách thuận lợi.

d. Công nghiệp GTVT:

Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư dưới mọi hình thức xây dựng nhà máy đóng mới, lắp ráp phương tiện trên địa bàn.

Hỗ trợ các thành phần kinh tế tư nhân trong lĩnh vực sửa chữa, lắp ráp phương tiện cơ giới nhỏ phát triển.

2.2. Mục tiêu cụ thể GTVT huyện:

a. Giai đoạn 2013 - 2015:

* **Đường bộ:** Đến hết năm 2015

- **Đường huyện:** Đến hết năm 2015 có 100% đường huyện đạt tối thiểu cấp V tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054 - 2005; Mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM, Khối lượng thực hiện nâng cấp nền, mặt đường 31,5Km đạt cấp V mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM.

Lập dự án, chuẩn bị đầu tư tuyến mới từ Cầu Kim Xuyên đi Quốc lộ 2 và trung tâm huyện Thanh Ba.

- **Đường xã:**

Đường liên xã chính: Đến hết năm 2015 đạt 91,65% đường liên xã tiêu chuẩn cấp VI tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054 - 2005, mặt đường được cứng hoá 100%, Khối lượng thực hiện nâng cấp 56,7 Km đạt cấp VI, mặt đường được cứng hoá BTXM hoặc nhựa hoá.

Đường trục xã: Đến hết năm 2015 có 174,2Km đạt tiêu chuẩn cấp VI trở lên mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM bằng 58,8%, Khối lượng thực hiện Nâng cấp 99Km đạt tiêu chuẩn cấp VI trở lên mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM.

Đường liên thôn, trục thôn, ra đồng lên đồi: Đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; duy tu sửa chữa đi lại thuận lợi.

- **Công tác bảo trì:** 100% đường huyện, tối thiểu 45% đường liên xã, trục xã, trục thôn nội thôn, ra đồng lên đồi được bảo trì thường xuyên hàng năm, bằng 50Km - 74Km đường huyện, 154Km đường liên xã, trục xã, 476Km đường trục thôn, nội thôn, ra đồng lên đồi.

- **Bến xe, bãi đỗ:** Nghiên cứu chuẩn bị địa điểm, lập dự án đầu tư xây dựng bến xe khách TT Đoan Hùng, bãi đỗ xe trên QL2, QL70 tại xã Sóc Đăng và xã Minh Lương.

* **Đường sông:**

Nghiên cứu chuẩn bị dự án xây dựng cảng Sóc Đăng để triển khai giai đoạn sau.

* **Về dịch vụ vận tải:**

Duy trì hoạt động vận tải hiện có.

Duy trì 5 bến bãi hoạt động bốc xếp thường xuyên hiện có, tổ chức và quản lý tốt các bến bãi bốc xếp theo thời vụ.

Nâng cao chất lượng phục vụ khách qua sông ở các bến đò ngang.

Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia dịch vụ vận tải, cạnh tranh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá hành khách thuận lợi.

*** Công nghiệp GTVT:**

Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư dưới mọi hình thức xây dựng nhà máy đóng mới, lắp ráp phương tiện trên địa bàn.

Hỗ trợ các thành phần kinh tế tư nhân trong lĩnh vực sửa chữa, lắp ráp phương tiện cơ giới nhỏ phát triển.

b. Giai đoạn 2016 - 2020:

*** Đường bộ:**

- *Đường huyện:* Bảo trì đường đã đạt chuẩn năm 2015, 100% được duy tu thường xuyên, khối lượng 64,3Km/năm.

Làm tuyến mới từ Cầu Kim Xuyên đi Quốc lộ 2 và trung tâm huyện Thanh Ba.

- *Đường xã:*

Đường liên xã chính: Bảo trì đường đã đạt chuẩn năm 2015, với 45% đường hiện có, khối lượng thực hiện 32Km/năm.

- *Đường trục xã:* Tiếp tục nâng cấp khối lượng đường còn lại để đến hết năm 2020 có tối thiểu 66,87% đường xã đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn mới để tổng đường LX, ĐX có 70% đạt tối thiểu cấp VI mặt đường cứng hoá. Bảo trì 45% đường hiện có hàng năm. Khối lượng thực hiện nâng cấp tiếp 24Km đạt tiêu chuẩn cấp VI mặt đường cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM, thực hiện bảo trì 122Km/ năm.

- *Đường thôn (Đường liên thôn, trục thôn, nội thôn):* Tối thiểu 35% đạt tiêu chuẩn loại A theo 22TCN210 - 92 và mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM, bảo trì 45% đường hiện có. Khối lượng thực hiện nâng cấp 132Km đường liên thôn, trục thôn đạt tiêu chuẩn loại A mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM; Nâng cấp 66Km đường nội thôn đạt loại B mặt đường được cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM. Bảo trì 161Km đường liên thôn, trục thôn; 195Km đường nội thôn hàng năm.

- *Đường ra đồng lên đồi, trục chính nội đồng:* Tối thiểu 35% đạt tiêu chuẩn loại B theo 22TCN210 - 92 và mặt đường được cứng hoá; Bảo trì 45% đường hiện có. Khối lượng thực hiện nâng cấp 66Km đạt loại B, mặt đường cứng hoá rải nhựa hoặc BTXM; Bảo trì 120Km hàng năm.

*** Bến xe bãi đỗ:**

Đầu tư xây dựng bến xe khách TT Đoan Hùng; Bãi đỗ xe trên QL2 tại xã Sóc Đăng, trên QL70 tại xã Minh Lương.

*** Đường sông:** Đầu tư xây dựng cảng Sông Lô ở xã Sóc Đăng.

*** Về dịch vụ vận tải:**

Duy trì hoạt động vận tải hiện có;

Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia dịch vụ vận tải, cạnh tranh lành mạnh, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá hành khách thuận lợi.

*** Công nghiệp GTVT:**

Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư dưới mọi hình thức xây dựng nhà máy đóng mới, lắp ráp phương tiện trên địa bàn.

Hỗ trợ các thành phần kinh tế tư nhân trong lĩnh vực sửa chữa, lắp ráp phương tiện cơ giới nhỏ phát triển.

3. Tài chính thực hiện quy hoạch:

- Cơ sở tính toán:

Về Khối lượng xây dựng: Tính toán theo thiết kế quy hoạch.

Về Đơn giá: Nâng cấp đường huyện, đường liên xã, trục xã từ loại A, B lên cấp V, VI suất đầu tư khoảng 5 tỷ đồng/Km. Nâng cấp đường trục thôn 3m - 3,5m lên loại A: Suất đầu tư khoảng 4 tỷ đồng/Km; Nâng cấp đường nội thôn, ra đồng lên đò 2,5m - 3m lên loại B suất đầu tư khoảng 3 tỷ đồng/Km. Bảo trì bình quân khoảng 15 triệu đồng/Km năm.

- **Tổng nhu cầu vốn đầu tư** (không tính đường QL, đường tỉnh, đường sông do cấp Trung ương quản lý), ước tính: Năm 2013: **398,2** tỷ đồng; Năm 2014 **324,7** tỷ đồng; Năm 2015: **274,9** tỷ đồng; Năm 2016 - 2020: **1.392** tỷ đồng.

- Phương án huy động vốn:

Huy động vốn để phát triển GTVT huyện theo từng loại đường, bến xe, bãi đỗ, bến cảng được huy động hợp lý từng giai đoạn từ các nguồn NS trung ương, NS tỉnh, NS xã, doanh nghiệp, nhân dân đóng góp và nguồn khác.

+ Đường huyện: NSTU 70%, NS tỉnh 20%, NSH huyện 10%.

+ Đường liên xã: STU 60%, NS tỉnh 20%, NSH huyện 10%, nhân dân 10%.

+ Đường trục xã: NSTU 50%, NS tỉnh 10%, NSH huyện 5%, NS xã 5%, nhân dân 30%; Riêng 2013 NS TU 85%, nhân dân góp 15%

+ Đường trục thôn, nội thôn: NSTU 45%, NS tỉnh 5%, NSH huyện 5%, NS xã 5%, nhân dân 40%.

+ Đường ra đồng, lên đò: NSTU 40%, NS tỉnh 5% NSH huyện 5%, NS xã 5%; nhân dân 45%.

+ Bến xe, bãi đỗ: NSTU 40%, NS tỉnh 5% NSH huyện 5%, NS xã 5%; nhân dân 45%.

+ Bảo trì đường bộ: 100% NS huyện cho đường huyện và liên xã, 30% NS xã và 70% huy động nhân dân cho đường còn lại.

+ Đường sông (Sông Cháy): NSTU: 70%, NST 10%, NS huyện 20%.

+ Cảng sông: Doanh nghiệp: 90%; NS huyện 10%

+ Vận tải: Doanh nghiệp: 100%.

+ Công nghiệp GTVT: Doanh nghiệp: 100%.

4. Giải pháp thực hiện quy hoạch:

a. Giải pháp quản lý Nhà nước về GTVT:

- Quy hoạch được phổ biến công khai, rộng rãi tới cơ sở và đồng đảo người dân được biết. Chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng quản lý chặt chẽ Quy hoạch, có kế hoạch thực hiện theo quy hoạch được duyệt. Làm tốt công tác quán triệt phổ biến,

tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về chủ trương, kế hoạch phát triển GTVT gắn với xây dựng nông thôn mới tạo ra sự đồng tình, nhất trí cao trong thực hiện.

Mỗi xã được quản lý bản đồ qui hoạch GTVT chung cả huyện và bản đồ qui hoạch GTVT của từng xã 1/50000 đề quản lý chặt chẽ theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác duy tu, bảo trì, bảo vệ công trình giao thông. Thực hiện các giải pháp bảo vệ công trình giao thông, ngăn chặn các xe quá tải làm hư hỏng các tuyến đường, đặc biệt là các tuyến mới đầu tư. Đối mới việc xây dựng Kế hoạch làm GTNT, triển khai ngay từ mùa khô cuối năm. Giao tuyến cụ thể để quản lý, duy tu đường. Tiếp tục tranh thủ sự giúp đỡ của Bộ đội, của doanh nghiệp, nhà hảo tâm tham gia.

- Xây dựng đồng bộ kế hoạch đầu tư xây dựng và kế hoạch bảo trì công trình. Tăng cường quản lý, bảo dưỡng công trình sau đầu tư nhằm phát huy hiệu quả của công trình. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm làm hư hỏng đường. Ban hành các quyết định để giao nhiệm vụ duy tu bảo dưỡng công trình. Vận động các doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động vận tải trên các tuyến đường GTNT có trách nhiệm đóng góp vào việc bảo trì các công trình giao thông khi đưa vào khai thác.

b. Giải pháp về vốn:

Tiếp tục triển khai lồng ghép các chương trình để thực hiện làm GTNT. Tranh thủ nguồn vốn của các bộ, ngành Trung ương, đẩy mạnh công tác xã hội hóa để xây dựng đường GTNT, huy động các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân, lồng ghép các chương trình dự án để thực hiện. Khuyến khích các doanh nghiệp, các nhà đầu tư bỏ vốn, vận động được nguồn vốn đầu tư cho phát triển GTNT, các cơ quan chức năng tạo mọi điều kiện để quá trình đầu tư được thuận lợi.

Tiếp tục thực hiện vận động nhân dân hiến đất, tài sản vật kiến trúc, cây cối, hoa màu để xây dựng các tuyến đường nhà nước đầu tư không có kinh phí giải phóng mặt bằng, trên cơ sở thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Cụ thể: Đường huyện và các đường liên xã do ngân sách nhà nước đầu tư phần xây lắp, nhân dân hiến đất, cây cối hoa màu, tài sản vật kiến trúc; Đường trục xã, liên thôn xóm, đường ra đồng nhà nước hỗ trợ một phần xây lắp hoặc hỗ trợ xi măng, nhân dân hiến đất, cây cối hoa màu, tài sản vật kiến trúc, góp công, vật liệu cát, sỏi...

Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nhất là vốn ngân sách Trung ương, bộ ngành, cho các công trình trọng điểm.

Đa dạng các nguồn vốn: Vốn ngân sách đầu tư trực tiếp, vốn chương trình mục tiêu khác phối hợp như xây dựng đường HCM kết hợp các tuyến nhánh.

Huy động nguồn lực trong nhân dân đầu tư cho đường trục xã, thôn, ra đồng.

Hình thức huy động nguồn lực trong nhân dân đa dạng, thuận lợi như hiến đất làm đường, hiến tài sản hoa màu không đền bù, đóng góp vật tư, máy thi công, công lao động...

Thực hiện chủ trương đôi đất lấy hạ tầng theo các chính sách hiện hành.

Đa dạng hoá các hình thức đầu tư như liên danh liên kết BOT, BT, hợp tác nhà nước và tư nhân (PPP)... để đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ, cảng sông.

Khuyến khích tư nhân đầu tư phát triển dịch vụ vận tải, nhà nước ưu đãi về chính sách thuế, hỗ trợ vốn mua sắm phương tiện.

Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

c. Giải pháp về nguồn nhân lực:

Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, công nhân lành nghề đồng bộ trong khâu quản lý dự án thiết kế thi công xây dựng, vận hành khai thác.

Thực hiện tốt chính sách thu hút cán bộ quản lý giao thông giỏi về huyện và xã công tác.

Thực hiện đào tạo, đào tạo lại thường xuyên cập nhật tiến bộ mới về khoa học công nghệ, chính sách pháp luật cho cán bộ.

Tạo điều kiện cho nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng tận dụng nhân công giá rẻ, tạo công ăn việc làm, hạ giá thành công trình.

d. Giải pháp về đảm bảo trật tự an toàn giao thông:

Tăng cường quản lý nhà nước mọi mặt đảm bảo ATGT. Kiên quyết khắc phục tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự ATGT; tổ chức tốt việc phối hợp giữa cơ quan chức năng, ban ngành, hội, đoàn thể, các lực lượng, địa phương trong đảm bảo TTATGT.

Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quy tắc trật tự an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

Đầu tư phát triển nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng giao thông, thông tin tín hiệu, xoá điểm đen về tai nạn giao thông, nâng cao tốc độ khai thác đồng thời đảm bảo tốt hơn ATGT.

Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm vi phạm quy tắc trật tự ATGT, bảo vệ công trình giao thông.

e. Giải pháp về khoa học công nghệ:

Khuyến khích nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào toàn bộ quá trình quản lý quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, thi công xây dựng, bảo trì khai thác. Khảo sát thiết kế: Thiết bị đo đạc, phần mềm tính toán nhanh chính xác, giảm chi phí và thời gian triển khai.

Áp dụng công nghệ tiên tiến về vật liệu, công nghệ thi công, ưu tiên sử dụng vật liệu địa phương sẵn có, nâng cao chất lượng công trình hạ giá thành sản phẩm. Thi công đơn giản tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia vào quá trình thi công xây dựng.

5. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức công bố quy hoạch. Xây dựng kế hoạch hàng năm, triển khai thực hiện. Hàng năm đánh giá kết quả xây dựng và thực hiện KH năm. Tổ chức Sơ kết kết quả thực hiện quy hoạch vào năm 2015, tổng kết vào năm 2020.

- Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, văn bản số 4364/UBND-TH4 ngày 01/11/2012 của UBND tỉnh về chủ trương xử lý nguồn vốn để trả nợ XDCB đến năm 2015; Từng năm, UBND huyện sẽ xem xét từng chỉ tiêu phù hợp với

tình hình để xây dựng Kế hoạch, báo cáo HĐND quyết định, phấn đấu cố gắng đạt chỉ tiêu cho cả giai đoạn đến năm 2020.

- UBND huyện quản lý quy hoạch, chỉ đạo thực hiện quy hoạch trên cơ sở phân công nhiệm vụ cho các cơ quan chức năng, các Phòng chuyên môn giúp việc một cách đồng bộ, cơ quan đầu mối là phòng Kinh tế và Hạ tầng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao:

- UBND huyện tiếp tục thực hiện hoàn chỉnh Quy hoạch, thực hiện nghiệm thu bàn giao các sản phẩm quy hoạch cho các đơn vị, xã, thị trấn theo yêu cầu, mỗi xã được quản lý bản đồ qui hoạch GTVT chung cả huyện và qui hoạch GTVT của từng xã để quản lý, theo dõi.

- UBND huyện tổ chức công bố quy hoạch, xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm. Đánh giá kết quả xây dựng và thực hiện KH hàng năm. Sơ kết kết quả thực hiện quy hoạch vào năm 2015, tổng kết vào năm 2020.

- Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện khóa XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải